

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) soát xét năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức:** Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

- Mã chứng khoán: VST
- Địa chỉ: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 39404271, Fax: .....
- Email: congbothongtin@vitranschart.com.vn, Website: www.vitranschart.com.vn

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- BCTC soát xét năm 2025:

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ Báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán .....): ☒

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại? /

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 12/08/2025 tại đường dẫn: [www.vitranschart.com.vn](http://www.vitranschart.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC Tổng hợp/ Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
- Văn bản giải trình số 174/TCKT ngày 12/08/2025

Người đại diện theo pháp luật  
GIÁM ĐỐC



Trịnh Hữu Lương

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025  
(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF  
THE GLOBAL ADVISORY  
AND ACCOUNTING NETWORK

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-39



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25 tháng 11 năm 2024 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch	
Ông Trịnh Hữu Lương	Thành viên	
Bà Mai Thị Thu Vân	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Sang	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/03/2025
Ông Lê Duy Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc	
Bà Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc tài chính	
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đoàn Thị Thu Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2025

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	
Bà Phạm Thị Thanh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/03/2025
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2025

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là ông Trịnh Hữu Lương - Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán. và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trịnh Hữu Lương  
Tổng Giám đốc

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025*



**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được lập ngày 05 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

1. Tại thời điểm 30/06/2025, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 485,1 tỷ VND, lỗ lũy kế là 1.327,25 tỷ VND, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu âm 620,6 tỷ VND. Đồng thời tại thuyết minh số 20 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán 192 tỷ VND. Công ty chưa có phương án hiệu quả để khắc phục khả năng thanh khoản cũng như tìm kiếm được nguồn tiền để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng tới trong điều kiện hoạt động bình thường. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2. Căn cứ theo Biên bản "Xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam" ngày 17 tháng 01 năm 2023 thì Công ty đang ghi nhận thiếu chi phí phạt chậm trả là 29,306 tỷ VND. Việc ghi nhận thiếu khoản phạt chậm trả tại năm trước tiếp tục khiến trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025, chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" đang phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang phản ánh thừa cùng số tiền 29,306 tỷ VND.

#### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên

#### **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

*Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2025*



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>394.755.999.212</b>	<b>208.182.413.368</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	34.583.591.921	32.588.671.927
111	1. Tiền		34.583.591.921	32.588.671.927
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	11.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		303.505.985.154	134.506.197.465
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.701.787.967	2.303.696.422
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	47.935.897.341	2.095.832.181
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	254.032.422.437	139.304.706.988
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(164.122.591)	(9.198.038.126)
140	IV. Hàng tồn kho	9	31.035.788.068	28.694.481.051
141	1. Hàng tồn kho		31.035.788.068	28.694.481.051
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.630.634.069	12.393.062.925
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	10.368.948.284	4.465.174.849
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.257.663.389	7.861.315.901
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	4.022.396	66.572.175
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>159.258.234.584</b>	<b>169.793.374.506</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		23.416.430.587	23.311.896.375
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	23.416.430.587	23.311.896.375
220	II. Tài sản cố định		95.829.549.795	123.188.297.446
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	95.795.064.134	123.084.837.596
222	- Nguyên giá		1.252.307.885.273	1.252.201.395.273
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.156.512.821.139)	(1.129.116.557.677)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	34.485.661	103.459.850
228	- Nguyên giá		7.580.995.096	7.580.995.096
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.546.509.435)	(7.477.535.246)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	23.054.442.947	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		23.054.442.947	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.000.000.000	2.000.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14.957.811.255	21.293.180.685
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	14.957.811.255	21.293.180.685
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>554.014.233.796</b>	<b>377.975.787.874</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		1.174.609.651.174	1.047.085.949.117
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		879.859.391.575	942.695.689.518
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	20.572.505.275	16.873.201.385
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	20.147.461.916	17.327.893.049
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.643.005.214	797.180.007
314	4. Phải trả người lao động		36.533.134.005	38.935.302.073
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	548.600.406.712	588.184.790.578
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	5.954.004.964	8.750.194.161
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	31.929.212.189	30.006.168.893
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	212.046.216.402	240.580.996.862
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.433.444.898	1.239.962.510
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		294.750.259.599	104.390.259.599
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	33.404.589.178	8.404.589.178
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	261.345.670.421	95.985.670.421
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		(620.595.417.378)	(669.110.161.243)
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	21	(620.595.417.378)	(669.110.161.243)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		689.993.370.000	689.993.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		689.993.370.000	689.993.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.258.000	88.258.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.731.245.480	11.731.245.480
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.840.727.077	4.840.727.077
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.327.249.017.935)	(1.375.763.761.800)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		(1.376.815.492.433)	(1.593.635.250.495)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		49.566.474.498	217.871.488.695
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>554.014.233.796</b>	<b>377.975.787.874</b>

Lê Kim Phượng  
Người lập, Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân  
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	242.092.822.450	233.085.918.308
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		242.092.822.450	233.085.918.308
11	4. Giá vốn hàng bán	24	211.488.560.163	207.060.597.835
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.604.262.287	26.025.320.473
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	3.550.386.076	6.148.308.905
22	7. Chi phí tài chính	26	12.731.895.195	19.749.551.079
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.749.189.456	18.268.942.957
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	2.494.076.278	2.901.696.727
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	19.424.616.994	16.724.017.645
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(495.940.104)	(7.201.636.073)
31	12. Thu nhập khác	29	54.683.959.115	190.554.268.420
32	13. Chi phí khác	30	2.709.455.620	389.532.000
40	14. Lợi nhuận khác		51.974.503.495	190.164.736.420
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.478.563.391	182.963.100.347
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	1.572.082.657	1.398.736.241
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		49.906.480.734	181.564.364.106
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		49.906.480.734	181.564.364.106
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	723	2.710



Lê Kim Phượng  
Người lập, Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân  
Phó Tổng Giám đốc tài chính




Trịnh Hữu Lương  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		51.478.563.391	182.963.100.347
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		27.860.237.651	30.387.671.021
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(43.163.788)	(545.178.697)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.505.245.121)	(4.270.115.688)
06	- Chi phí lãi vay		11.749.189.456	18.268.942.957
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(54.022.996.823)	(190.368.865.079)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		35.516.584.766	36.435.554.861
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(118.701.834.736)	13.884.456.271
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.341.307.017)	(3.034.083.022)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		29.318.804.881	3.004.412.751
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		575.599.536	8.219.906.215
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.204.732.289)	(13.424.658)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(806.787.943)	(1.511.643.022)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.084.513.845)	(1.915.349.580)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(63.728.186.647)	55.069.829.816
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(67.659.539.907)	(8.848.164.599)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		21.818.182	7.407.407
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.180.944.749	4.262.708.281
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(76.456.776.976)	(4.578.048.911)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		184.207.489.257	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(42.124.049.025)	(67.900.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		142.083.440.232	(67.900.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.898.476.609	(17.408.219.095)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		32.588.671.927	29.266.281.987
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		96.443.385	1.774.058
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	34.583.591.921	11.859.836.950



Lê Kim Phụng  
Người lập, Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân  
Phó Tổng Giám đốc tài chính




Trịnh Hữu Lương  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25 tháng 11 năm 2024 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 689.993.370.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 689.993.370.000 VND; tương đương 68.999.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 703 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 724 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa, kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế, dịch vụ tiếp vận, dịch vụ khai thuê hải quan, cho thuê kho bãi, container, dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới thuê tàu biển, cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tại thời điểm 30/06/2025, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 485,1 tỷ VND, lũy kế là 1.327,25 tỷ VND, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu âm 620,6 tỷ VND. Đồng thời tại thuyết minh số 20 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán 192 tỷ VND. Tại thuyết minh số 17- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 541 tỷ VND.

Công ty đang phấn đấu giảm lỗ tối đa và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Hiện tại, bên cạnh việc thực hiện các giải pháp về kinh doanh - thị trường để gia tăng lợi nhuận, Công ty cũng đã đạt thỏa thuận tái cơ cấu tài chính với các ngân hàng và đã được miễn giảm nghĩa vụ trả nợ trong năm 2024 với giá trị 190,37 tỷ VND, 6 tháng đầu năm 2025 với giá trị 54,41 tỷ VND và 6 tháng cuối năm 2025 dự kiến là 251 tỷ VND. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty có xu hướng phát triển tốt khi mà lợi nhuận gộp đạt 30,6 tỷ VND, tương ứng mức tăng 17,59% so với cùng kỳ năm trước. Với các kế hoạch và định hướng đã đề ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Trong kỳ, Công ty đã thỏa thuận mua bán nợ thành công khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM chuyển sang chủ nợ là Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam đồng thời hoàn thành xong nghĩa vụ theo thỏa thuận mua bán nợ, được giảm trừ và xóa nghĩa vụ nợ phải trả với số tiền là 54,4 tỷ VND, Công ty đang ghi nhận vào khoản thu nhập khác (thuyết minh số 29).

### Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xuất khẩu lao động, cung ứng thuyền viên
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Vận tải tàu biển

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

### 2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

### 2.5 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.



*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá xấp xỉ thực tế do tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc: Công ty sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

### 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

### 2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 36 tháng.

- Chi phí sửa chữa lớn của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 tháng theo chu kỳ lên đà sửa chữa của các tàu.



- Chi phí quảng cáo của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 tháng đến 36 tháng.

#### 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### 2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về dịch vụ vận tải.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### 2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

### 2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### 2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

**2.24 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**2.25 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các

**2.26 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . TIỀN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	105.547.520	42.791.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	34.478.044.401	32.537.226.613
+ Tiền Việt Nam	4.400.091.772	18.261.644.306
+ Ngoại tệ	30.077.952.629	14.275.582.307
Tiền đang chuyển	-	8.654.314
	<u>34.583.591.921</u>	<u>32.588.671.927</u>

(\*) Khoản tiền gửi ngân hàng nhằm chi trả tiền lương tháng 6 và các khoản phải trả người lao động khác.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	11.000.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	11.000.000.000	-	-	-
	<b>11.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tại ngày 30/06/2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 11 tỷ VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,5%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	2.000.000.000		-	2.000.000.000		-
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	2.000.000.000		-	2.000.000.000		-
	<b>2.000.000.000</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>		<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	Tp.Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản cho thuê



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Bên khác</i>	VND	VND	VND	VND
Evergreen Marine Corporation	1.300.349.240	-	735.092.373	-
Daiichi Chuo	20.491.345	-	1.364.729.988	-
Naiko Kaisha				
Các khách hàng khác	380.947.382	(164.122.591)	203.874.061	(164.122.591)
	<u>1.701.787.967</u>	<u>(164.122.591)</u>	<u>2.303.696.422</u>	<u>(164.122.591)</u>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Bên khác</i>	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí Upper West Shipping Company Limited (*)	6.437.322.687	-	-	-
Công ty TNHH Thang máy Việt Trí			441.311.200	-
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải Đại dương Xanh			306.707.000	-
Eol Shipping Limited	-	-	1.051.742.456	-
Trả trước cho người bán khác	450.174.654	-	296.071.525	-
	<u>47.935.897.341</u>	<u>-</u>	<u>2.095.832.181</u>	<u>-</u>

(\*) Khoản ứng trước cho Công ty Upper West Shipping Company Limited theo hợp đồng mua bán ngày 21/05/2025 nhằm thực hiện mua con tàu ARKI (tên mới là HD Sun).

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi	611.764.383	-	1.309.282.193	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	2.811.714	-	-	-
Tạm ứng	5.610.414.794	-	5.119.949.274	-
Ký cược, ký quỹ	243.312.500.000	-	122.016.500.000	-
Các khoản chi hộ	301.695.638	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**7 . PHẢI THU KHÁC (tiếp)**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Khoản tiền hỗ trợ sửa chữa tàu Vinashin Eagle	-	-	9.033.915.535	(9.033.915.535)
Phải thu bảo hiểm tàu Glory gặp sự cố	2.807.672.488	-	-	-
Phải thu khác	1.385.563.420	-	1.825.059.986	-
	<u>254.032.422.437</u>	<u>-</u>	<u>139.304.706.988</u>	<u>(9.033.915.535)</u>
<b>a2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	-	-	9.033.915.535	(9.033.915.535)
Ngân hàng TMCP Phương Đông (1)	233.333.440.000	-	45.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	61.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	15.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (2)	9.962.560.000	-	-	-
Các đối tượng khác	10.736.422.437	-	8.270.791.453	-
	<u>254.032.422.437</u>	<u>-</u>	<u>139.304.706.988</u>	<u>(9.033.915.535)</u>
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>b1) Chi tiết theo nội dung</b>				
Ký cược, ký quỹ	23.416.430.587	-	23.311.896.375	-
	<u>23.416.430.587</u>	<u>-</u>	<u>23.311.896.375</u>	<u>-</u>
<b>b2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster (3)	19.194.724.787	-	19.194.718.575	-
Các đối tượng	4.221.705.800	-	4.117.177.800	-
	<u>23.416.430.587</u>	<u>-</u>	<u>23.311.896.375</u>	<u>-</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(1) Khoản ký quỹ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông có giá trị 233 tỷ VND nhằm đảm bảo cho thanh toán tàu ARKI (tên mới là HD Sun), đóng năm 2011 theo biên bản thỏa thuận mua bán tàu giữa Upper West Shipping Company Limited và Công ty TNHH Quản lý Tàu biển Hải Đăng ngày 21/05/2025 và các phụ lục đính kèm.

(2) Khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh có giá trị 9,96 tỷ VND nhằm đảm bảo khoản vay của Công ty TNHH Quản lý Tàu biển Hải Đăng (Công ty con) tại ngân hàng này.

(3) Khoản ký quỹ để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HĐ-TTL ngày 24/07/2015 với Công ty Cổ phần Trung Thủy Lancaster. Hợp đồng hợp tác đầu tư lập ra pháp nhân mới là Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận để thực hiện dự án căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại khu II số 428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản ký quỹ này đã được Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam phong tỏa. Xem thêm tại Thuyết minh số 04 - Các khoản đầu tư tài chính và Thuyết minh số 19 - Phải trả khác.

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	-	-	9.033.915.535	-
- Công ty Cổ phần Hàng hải Thiên An	164.122.591	-	164.122.591	-
	<u>164.122.591</u>	<u>-</u>	<u>9.198.038.126</u>	<u>-</u>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.183.246.757	-	26.091.769.359	-
Công cụ, dụng cụ	4.852.541.311	-	2.602.711.692	-
	<u>31.035.788.068</u>	<u>-</u>	<u>28.694.481.051</u>	<u>-</u>

**10 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	1.226.489.303	-
- Chi phí mua tàu HD Sun (tên cũ là AKRI)	1.226.489.303	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	21.827.953.644	-
- Chi phí lên đà sửa chữa lớn tàu PHOENIX và tàu DRAGON	21.827.953.644	-
	<u>23.054.442.947</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	8.191.134.400	5.276.998.182	1.231.643.098.238	7.090.164.453	1.252.201.395.273
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	501.490.000	-	-	-	501.490.000
- Thanh lý, nhượng bán	(395.000.000)	-	-	-	(395.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.297.624.400</b>	<b>5.276.998.182</b>	<b>1.231.643.098.238</b>	<b>7.090.164.453</b>	<b>1.252.307.885.273</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	8.191.134.400	5.081.843.974	1.109.008.618.988	6.834.960.315	1.129.116.557.677
- Khấu hao trong kỳ	36.867.530	65.702.720	27.552.077.228	136.615.984	27.791.263.462
- Thanh lý, nhượng bán	(395.000.000)	-	-	-	(395.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.833.001.930</b>	<b>5.147.546.694</b>	<b>1.136.560.696.216</b>	<b>6.971.576.299</b>	<b>1.156.512.821.139</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	-	195.154.208	122.634.479.250	255.204.138	123.084.837.596
Tại ngày cuối kỳ	<b>464.622.470</b>	<b>129.451.488</b>	<b>95.082.402.022</b>	<b>118.588.154</b>	<b>95.795.064.134</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 94.280.648.669 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 286.856.212.863 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	7.580.995.096	7.580.995.096
Số dư cuối kỳ	7.580.995.096	7.580.995.096
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	7.477.535.246	7.477.535.246
- Khấu hao trong kỳ	68.974.189	68.974.189
Số dư cuối kỳ	7.546.509.435	7.546.509.435
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	103.459.850	103.459.850
Tại ngày cuối kỳ	34.485.661	34.485.661

**13 : CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm ô tô, đội tàu, hỏa hoạn	1.637.407.966	2.666.049.233
Chi phí sửa chữa thường xuyên	6.522.868.260	1.326.144.629
Chi phí quảng cáo	2.120.379.488	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	88.292.570	472.980.987
	10.368.948.284	4.465.174.849
b) Dài hạn		
Sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ (*)	14.512.325.585	20.676.309.046
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	389.977.397	608.536.329
Chi phí trả trước dài hạn khác	55.508.273	8.335.310
	14.957.811.255	21.293.180.685

(\*) Căn cứ quy định kiểm tra, phân cấp tàu biển Việt Nam theo chu kỳ 5 năm (trong đó kiểm tra trên đà được tiến hành 2 lần trong một chu kỳ 5 năm với thời hạn không quá 3 năm giữa 2 lần lên đà).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Cơ khí Dầu khí	3.526.119.268	3.526.119.268	-	-
- Công ty TNHH Hoa Thiên Sứ	2.185.678.000	2.185.678.000	1.176.792.000	1.176.792.000
- Công ty TNHH TMDV Chi Phong	1.826.308.000	1.826.308.000	594.238.000	594.238.000
- Công ty Cổ phần Dầu Khí Quốc Tế PS	1.572.869.558	1.572.869.558	2.272.273.751	2.272.273.751
- Công ty TNHH TM & DV Hồng Thụ	-	-	216.389.424	216.389.424
- Công ty TNHH TMDV Tuấn Anh	-	-	514.221.664	514.221.664
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn	-	-	2.892.801.339	2.892.801.339
- Phải trả các đối tượng khác	11.461.530.449	11.461.530.449	9.206.485.207	9.206.485.207
	<u>20.572.505.275</u>	<u>20.572.505.275</u>	<u>16.873.201.385</u>	<u>16.873.201.385</u>

**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
- Daedong Shipping Co., Ltd	20.132.092.044	9.632.655.746
- Chen Ship Management Pte., Ltd	-	7.695.237.303
- Người mua trả tiền trước khác	15.369.872	-
	<u>20.147.461.916</u>	<u>17.327.893.049</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	14.652.172	-	849.990.023	448.140.741	-	387.197.110
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	81.334.332	81.334.332	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	51.920.003	702.863.647	1.685.823.293	806.787.943	-	1.529.978.994
Thuế Thu nhập cá nhân	-	94.316.360	865.159.569	910.794.815	4.022.396	52.703.510
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.469.349.600	796.224.000	-	673.125.600
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
	<b>66.572.175</b>	<b>797.180.007</b>	<b>4.961.656.817</b>	<b>3.053.281.831</b>	<b>4.022.396</b>	<b>2.643.005.214</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay (*)	541.111.857.958	584.332.176.922
- Tiền ăn của thuyền viên	2.283.665.991	2.120.363.941
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn	1.584.502.002	1.732.249.715
- Trích trước chi phí tổ chức sự kiện kỷ niệm 50 năm thành lập	602.568.663	-
- Trích trước chi phí đã phát sinh khác	3.017.812.098	-
	<b>548.600.406.712</b>	<b>588.184.790.578</b>
<b>Trong đó số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Chi phí lãi vay	541.111.857.958	584.332.176.922
	<b>541.111.857.958</b>	<b>584.332.176.922</b>

(\*) Trong kỳ số lãi vay được xóa căn cứ theo biên bản xóa nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đối với khoản nợ chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) có giá trị là 49.154.628.488 VND. Tham chiếu thông tin tại thuyết minh số 20 - vay và thuyết minh số 29 - Thu nhập khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước (*)	5.954.004.964	8.750.194.161
	<u>5.954.004.964</u>	<u>8.750.194.161</u>

(\*) Đây là doanh thu nhận trước chủ yếu của Deadong Shipping Co.,LTD về cung cấp dịch vụ vận tải biển.

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>a1) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Kinh phí công đoàn	3.506.614.940	3.501.369.934
- Bảo hiểm xã hội	1.306.195.496	967.532.832
- Bảo hiểm y tế	86.957.276	135.181.383
- Bảo hiểm thất nghiệp	42.969.645	72.125.844
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.341.995.901	19.341.989.689
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.644.478.931	5.987.969.211
	<u>31.929.212.189</u>	<u>30.006.168.893</u>
<b>a2) Chi tiết theo đối tượng</b>		
- Công ty Cổ phần Trung Thủy Lancaster (1)	19.341.995.901	19.341.989.689
- Khoản mượn tiền bà Dương Thanh Thủy không tính lãi	2.000.000.000	2.000.000.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	10.587.216.288	8.664.179.204
	<u>31.929.212.189</u>	<u>30.006.168.893</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu VTC Phoenix (2)	8.404.589.178	8.404.589.178
- Khoản mượn tiền của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận (3)	25.000.000.000	-
	<u>33.404.589.178</u>	<u>8.404.589.178</u>

(1) Khoản nhận đặt cọc từ Công ty Cổ phần Trung Thủy Lancaster nhằm mua lại phần sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận.

(2) Con tàu VTC Phoenix của Công ty do Công ty Đóng tàu Bạch Đằng đóng tuy nhiên chưa được quyết toán nên Công ty tạm tăng nguyên giá để đưa vào sản xuất kinh doanh. Số tiền 8,4 tỷ VND là khoản chênh lệch giữa giá trị tạm tăng và giá trị đã thanh toán cho nhà cung cấp.

(3) Khoản mượn tiền của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận có thời hạn 05 năm và không tính lãi suất. Khoản mượn tiền được đảm bảo hoàn trả từ lợi nhuận hình thành trong tương lai của hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HĐ-TTL ngày 24/07/2015 với Công ty Cổ phần Trung Thủy Lancaster nhằm thực hiện dự án căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại khu II số 428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, thành phố Hồ Chí Minh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**20 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn và quá hạn Ngân hàng	237.594.445.692	237.594.445.692	18.847.489.257	55.332.269.717	201.109.665.232	201.109.665.232
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (*)	25.208.220.692	25.208.220.692	-	25.208.220.692	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (1)	193.516.600.000	193.516.600.000	-	1.520.000.000	191.996.600.000	191.996.600.000
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Thủ Đức	18.869.625.000	18.869.625.000	-	18.869.625.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (2)	-	-	18.847.489.257	9.734.424.025	9.113.065.232	9.113.065.232
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.986.551.170	2.986.551.170	19.950.000.000	12.000.000.000	10.936.551.170	10.936.551.170
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (3)	2.986.551.170	2.986.551.170	19.950.000.000	12.000.000.000	10.936.551.170	10.936.551.170
	<b>240.580.996.862</b>	<b>240.580.996.862</b>	<b>38.797.489.257</b>	<b>67.332.269.717</b>	<b>212.046.216.402</b>	<b>212.046.216.402</b>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	25.208.220.692	25.208.220.692	-	25.208.220.692	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (1)	193.516.600.000	193.516.600.000	-	1.520.000.000	191.996.600.000	191.996.600.000
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (4)	98.972.221.591	98.972.221.591	19.950.000.000	12.000.000.000	106.922.221.591	106.922.221.591
- Ngân hàng TMCP Phương Đông (3)	-	-	165.360.000.000	-	165.360.000.000	165.360.000.000
	<b>317.697.042.283</b>	<b>317.697.042.283</b>	<b>185.310.000.000</b>	<b>38.728.220.692</b>	<b>464.278.821.591</b>	<b>464.278.821.591</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(221.711.371.862)	(221.711.371.862)	(19.950.000.000)	(38.728.220.692)	(202.933.151.170)	(202.933.151.170)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>95.985.670.421</b>	<b>95.985.670.421</b>			<b>261.345.670.421</b>	<b>261.345.670.421</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư tại ngày 30/06/2025 (VND)	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản bảo đảm
				Nợ ngắn hạn (VND)	Nợ đã quá hạn thanh toán (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Vay dài hạn (VND)			
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - khu vực Đông Bắc		191.996.600.000	-	-	-	-			
	Số 83/2011/HĐTDĐT-SĐBS- NHPT ngày 27/12/2011	180 tháng	6.730.000.000	-	6.730.000.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT - Chiếc số 04/KH2004	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới tháng 08/2020	Tàu Viễn Đông 5 đã bán ngày 03/07/2019. Hiện tại khoản vay không còn tài sản bảo đảm
	Số 05/2005/HĐTD -TDTW ngày 28/07/2005	144 tháng	98.002.000.000	-	98.002.000.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới tháng 8/2020	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - Tàu VTC Dragon
	Số 07/2006/HĐTDSD-TDI ngày 31/08/2011	144 tháng	87.264.600.000	-	87.264.600.000	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 11/2021	Tài sản được hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - VTC Phoenix
2	Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh		9.113.065.232	9.113.065.232	-	-	-			
	Số 112-00038204.02903/ 2025/HĐTD ngày 17/03/2025	12 tháng	9.113.065.232	9.113.065.232	-	-	-	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh	Trong hạn	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
3	Ngân hàng TMCP Phương Đông		165.360.000.000	-	-	-	165.360.000.000			
	Số 0040/2025/CTC/HĐCTD ngày 11/06/2025	120 tháng	165.360.000.000	-	-	-	165.360.000.000	Thanh toán/bù đắp chi phí mua Tàu biển có trọng tải 28.000 DWT - 40.000 DWT;□	Trong hạn	Tài sản hình thành theo phương án vay và số dư tiền gửi gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (tiếp):

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư tại ngày 30/06/2025 (VND)	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản bảo đảm
				Nợ ngắn hạn (VND)	Nợ đã quá hạn thanh toán (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Vay dài hạn (VND)			
4	Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM		106.922.221.591	-	-	10.936.551.170	95.985.670.421			
	Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. HCM và CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 20/12/2022. Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 17/01/2023.	36 tháng	106.922.221.591	-	-	10.936.551.170	95.985.670.421	Các khoản nợ đối với Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn và Ngân hàng TMCP Bảo Việt phát sinh khi đầu tư mua tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT đã được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	Đang trong hạn thanh toán	- Tàu chở hàng khô VTC Ocean, trọng tải 23.000 tấn, đóng năm 1999, nơi đóng Philippines. - Tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT
Tổng cộng			298.918.821.591	-	-	10.936.551.170	95.985.670.421			

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(\*) Trong kỳ số dư gốc vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) đã được chuyển giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Đồng thời số dư gốc vay được xóa căn cứ theo biên bản xóa nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đối với khoản nợ chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) có giá trị là 5.258.220.692 VND. Tham chiếu thông tin tại thuyết minh số 17 - Chi phí phải trả ngắn hạn và thuyết minh số 29 - Thu nhập khác.

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2025		01/01/2025	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Vay	191.996.600.000	541.111.857.958	218.724.820.692	584.332.176.922

## 21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	669.993.370.000	88.258.000	11.731.245.480	4.840.727.077	(1.592.352.889.398)	(905.699.288.841)
Tăng vốn trong năm trước	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	217.871.488.695	217.871.488.695
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	-	(1.262.661.027)	(1.262.661.027)
Giảm khác	-	-	-	-	(19.700.070)	(19.700.070)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>689.993.370.000</b>	<b>88.258.000</b>	<b>11.731.245.480</b>	<b>4.840.727.077</b>	<b>(1.375.763.761.800)</b>	<b>(669.110.161.243)</b>
Số dư đầu năm nay	689.993.370.000	88.258.000	11.731.245.480	4.840.727.077	(1.375.763.761.800)	(669.110.161.243)
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	49.906.480.734	49.906.480.734
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(1.277.996.233)	(1.277.996.233)
Giảm khác	-	-	-	-	(113.740.636)	(113.740.636)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>689.993.370.000</b>	<b>88.258.000</b>	<b>11.731.245.480</b>	<b>4.840.727.077</b>	<b>(1.327.249.017.935)</b>	<b>(620.595.417.378)</b>

(\*) Căn cứ theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQT ngày 20/01/2025 và Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 30/06/2025 của Công ty Cổ Phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và tạm ứng lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (Công ty con của Công ty) như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại Công ty con (Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC)
	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.277.996.233
Phân phối lợi nhuận cho Công ty mẹ	16.075.851.916



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam -	43,32	298.880.000.000	43,32	298.880.000.000
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	11,07	76.361.000.000	11,59	80.000.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	2,92	20.135.000.000	2,93	20.195.000.000
Các cổ đông khác	42,70	294.617.370.000	42,16	290.918.370.000
	<u>100</u>	<u>689.993.370.000</u>	<u>100</u>	<u>689.993.370.000</u>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	689.993.370.000	669.993.370.000
- Vốn góp đầu kỳ	<u>689.993.370.000</u>	<u>669.993.370.000</u>
- Vốn góp cuối kỳ	<u>689.993.370.000</u>	<u>669.993.370.000</u>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.999.337	68.999.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	68.999.337	66.999.337
- Cổ phiếu phổ thông	68.999.337	68.999.337
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.999.337	68.999.337
- Cổ phiếu phổ thông	68.999.337	68.999.337
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.731.245.480	11.731.245.480
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.840.727.077	4.840.727.077
	<u>16.571.972.557</u>	<u>16.571.972.557</u>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty được Nhà nước cho thuê một số lô đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh	1167 m <sup>2</sup>	50 năm từ ngày 05/02/2013
2	438 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh	143,4 m <sup>2</sup>	Thuê đất trả tiền hàng năm
3	36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.	431 m <sup>2</sup>	50 năm từ ngày 31/12/2007

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) Ngoại tệ các loại		30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)		1.153.222,34	561.491,22
c) Nợ khó đòi đã xử lý		30/06/2025	01/01/2025
		VND	VND
- Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin		9.033.915.535	
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam		1.208.068.467	1.208.068.467
- Các khoản đã xóa nợ khác		7.472.240.260	7.472.240.260
<b>23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		9.264.858.213	9.501.656.726
Doanh thu cung cấp dịch vụ		232.827.964.237	223.584.261.582
		<b>242.092.822.450</b>	<b>233.085.918.308</b>
<b>24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán		8.902.881.665	9.080.112.429
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		202.585.678.498	197.980.485.406
		<b>211.488.560.163</b>	<b>207.060.597.835</b>
<b>25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay		1.483.426.939	4.262.708.281
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		1.984.181.292	1.337.993.157
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ		82.777.845	547.607.467
		<b>3.550.386.076</b>	<b>6.148.308.905</b>
<b>26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
Lãi tiền vay		11.749.189.456	18.268.942.957
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		845.677.882	1.478.179.352
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ		39.614.057	2.428.770
Chi phí tài chính khác		97.413.800	-
		<b>12.731.895.195</b>	<b>19.749.551.079</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới	2.494.076.278	2.901.696.727
	<b>2.494.076.278</b>	<b>2.901.696.727</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	385.610.554	355.947.786
Chi phí nhân công	11.556.477.177	9.943.124.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	299.052.057	308.794.222
Thuế, phí, lệ phí	798.859.227	417.642.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.934.877.305	2.571.447.194
Chi phí khác bằng tiền	3.449.740.674	3.127.061.455
	<b>19.424.616.994</b>	<b>16.724.017.645</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	21.818.182	7.407.407
Nghĩa vụ nợ được giảm khi thực hiện xong cam kết (*)	54.412.849.180	190.368.865.079
Thu nhập khác	249.291.753	177.995.934
	<b>54.683.959.115</b>	<b>190.554.268.420</b>

(\*) Căn cứ văn bản xóa nợ ngày 02/07/2025 của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam liên quan khoản nợ chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) về việc giảm trừ nghĩa vụ nợ còn lại sau khi hoàn thành nghĩa vụ nợ theo cam kết. Số tiền Công ty được giảm trừ và xóa nợ là 54,4 tỷ VND. Tham chiếu thông tin tại thuyết minh số 17 - Chi phí phải trả ngắn hạn và thuyết minh số 20 - Vay.

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay VDB-SGDII đối với tàu Viễn Đông 5 đã bán	337.095.000	389.532.000
Chi phí tổ chức sự kiện kỷ niệm 50 năm thành lập Công ty	2.120.379.488	-
Chi phí khác	251.981.132	-
	<b>2.709.455.620</b>	<b>389.532.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	1.572.082.657	1.398.736.241
- Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC	1.404.264.154	1.391.241.954
- Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	167.818.503	7.494.287
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.572.082.657</u>	<u>1.398.736.241</u>

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	49.906.480.734	181.564.364.106
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	49.906.480.734	181.564.364.106
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	68.999.337	66.999.337
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>723</u>	<u>2.710</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.984.496.905	9.040.060.894
Chi phí nhân công	145.686.305.577	131.795.082.471
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.860.237.651	30.387.671.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.000.658.032	6.863.656.053
Chi phí khác bằng tiền	33.972.673.605	39.519.729.339
	<u>224.504.371.770</u>	<u>217.606.199.778</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.478.044.401	-	-	34.478.044.401
Phải thu khách hàng, phải thu khác	255.570.087.813	23.416.430.587	-	278.986.518.400
Các khoản cho	11.000.000.000	-	-	11.000.000.000
	<u>301.048.132.214</u>	<u>23.416.430.587</u>	<u>-</u>	<u>324.464.562.801</u>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.545.880.927	-	-	32.545.880.927
Phải thu khách hàng, phải thu khác	132.410.365.284	23.311.896.375	-	155.722.261.659
	<u>164.956.246.211</u>	<u>23.311.896.375</u>	<u>-</u>	<u>188.268.142.586</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>				
Vay và nợ	212.046.216.402	261.345.670.421	-	473.391.886.823
Phải trả người bán, phải trả khác	52.501.717.464	33.404.589.178	-	85.906.306.642
Chi phí phải trả	548.600.406.712	-	-	548.600.406.712
	<u>813.148.340.578</u>	<u>294.750.259.599</u>	<u>-</u>	<u>1.107.898.600.177</u>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Vay và nợ	240.580.996.862	95.985.670.421	-	336.566.667.283
Phải trả người bán, phải trả khác	46.879.370.278	8.404.589.178	-	55.283.959.456
Chi phí phải trả	588.184.790.578	-	-	588.184.790.578
	<u>875.645.157.718</u>	<u>104.390.259.599</u>	<u>-</u>	<u>980.035.417.317</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**35 . THÔNG TIN KHÁC**

Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty đang có khoản đầu tư vào Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HĐ-TTL ngày 24/07/2015 với Công ty Cổ phần Trung Thủy Lancaster với các nội dung sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: liên doanh thành lập và điều hành một Công ty TNHH nhằm thực hiện dự án căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại Khu II số 428 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh;
- Nội dung hợp tác: thành lập Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận;
- Tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn: vốn điều lệ là 20 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn bên Công ty là 10% tương đương 2 tỷ VND, bên Công ty Cổ phần Trung Thủy Lancaster là 90% tương đương 18 tỷ VND;
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Phân chia lợi nhuận của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận theo đúng tỷ lệ góp vốn;
- Kết quả kinh doanh đã được phân chia: Dự án vẫn trong giai đoạn triển khai nên vẫn chưa có doanh thu và lợi nhuận để chia;
- Tình hình của hợp đồng tại ngày 30/06/2025: Dự án vẫn đang được UBND thành phố Hồ Chí Minh rà soát trình tự, thủ tục dự án để thực hiện theo đúng quy định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**a) Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	125.594.514.717	116.498.307.733	242.092.822.450
Chi phí bộ phận trực tiếp	110.153.428.620	101.335.131.543	211.488.560.163
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<u>15.441.086.097</u>	<u>15.163.176.190</u>	<u>30.604.262.287</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.727.979.303		1.727.979.303
Tài sản bộ phận trực tiếp	344.295.341.008	209.718.892.788	554.014.233.796
Tổng tài sản	<u>344.295.341.008</u>	<u>209.718.892.788</u>	<u>554.014.233.796</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	965.853.688.227	208.755.962.947	1.174.609.651.174
Tổng nợ phải trả	<u>965.853.688.227</u>	<u>208.755.962.947</u>	<u>1.174.609.651.174</u>

**b) Theo khu vực địa lý**

	Quốc tế	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	241.063.414.998	1.029.407.452	242.092.822.450
Tài sản bộ phận			554.014.233.796
Tổng chi phí mua TSCĐ			1.727.979.303

**38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT
Ông Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Bà Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Ông Lê Duy Dương	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Sang	Thành viên HĐQT
Bà Đoàn Thị Thu Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban Ban kiểm soát
Bà Phan Thị Thanh Trang	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên Ban kiểm soát

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Huỳnh Nam Anh	330.290.047	283.790.838
Ông Trịnh Hữu Lương	332.120.380	294.554.753
Bà Mai Thị Thu Vân	275.904.267	230.278.065
Ông Lê Duy Dương	15.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Đình Tú	15.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Sang	30.000.000	30.000.000
Bà Đoàn Thị Thu Hòa	121.402.622	-
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	234.861.300	183.924.663
Bà Vũ Thị Diệp	30.000.000	30.000.000
Bà Phan Thị Thanh Trang	12.000.000	-
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	4.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	24.000.000	24.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**39 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.



Lê Kim Phượng  
Người lập, Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân  
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2025